

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HS-ST
Ngày: 04-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Ông Bùi Văn Tàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm: Phòng xử án tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần: Phòng xử án tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 98/2023/TLST –HS ngày 16 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 7 năm 2023, đối với:

Bị cáo: Hà Quang Q, sinh ngày 20-02-1997 tại Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Hà Quang K và bà Lê Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không;

Tiền án: 02 tiền án:

- Ngày 16-6-2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 28-11-2016 chấp hành xong bản án.

- Ngày 28-5-2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 19-5-2022 chấp hành xong bản án.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-10-2022 đến nay, có mặt tại điểm cầu thành phần.

Bị hại:

- Anh Phan Tấn N, sinh năm 1995 và chị Đỗ Thị Yến T1, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1966 và bà Bùi Thị Hồng V, sinh năm 1970; nơi cư trú: Xóm T, thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Anh Trần Phú H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm E, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại điểm cầu trung tâm.

- Anh Ngô Văn C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Đ, thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Nguyễn C1, sinh năm 1968 và bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1966; nơi cư trú: Xóm A, thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, ông C1 vắng mặt, bà Đ có mặt tại điểm cầu trung tâm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Trần Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1988; nơi thường trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, chỗ ở: Số I đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại điểm cầu trung tâm.

- Anh Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1972; nơi thường trú: Thôn A, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Số B đường B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm C, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Anh Trịnh Quang T6, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Anh Phạm Ngọc Á, sinh năm 1988; nơi cư trú: Đội 8, xóm N, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Anh Võ Văn G, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Phan Tấn V1, sinh năm 1971 và ông Phan Ngọc K1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Anh Phạm Thành N1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm D, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Anh Phạm Minh V2, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm A, thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Anh Đỗ Tấn L, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 27-9-2022 đến ngày 15-10-2022 bị cáo Hà Quang Q đã liên tiếp 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, làm nguồn thu nhập chính nuôi sống bản thân. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 27-9-2022, Q từ nhà tại thôn C, xã B, huyện B đi lang thang dọc đường Quốc lộ IA tìm nơi đột nhập để trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực cửa hàng X1 - C thì Q rẽ xuống hướng đông, đi bộ theo đường bê tông xuống xóm A, thôn C, xã B. Tại đây, Q phát hiện nhà ông Huỳnh Văn H1 có tường rào và trụ cổng nhưng không có cánh cổng, sân nhà phía trước có để một xe mô tô, loại xe Wave, đã cũ, gắn biển số 76T8 – 2913 của ông Huỳnh Văn H1, nên Q nảy sinh ý định trộm cắp xe này, Q lén lút đột nhập vào sân nhà, thấy trên xe có sẵn chìa khóa nên dắt xe này ra khỏi nhà rồi điều khiển xe tẩu thoát về thị trấn C tìm tài sản khác trộm cắp nhưng không tìm thấy nơi nào thuận lợi để trộm cắp nên không thực hiện vụ trộm cắp nào. Đến sáng ngày 28-9-2022, Q điều khiển xe mô tô biển số: 76T8 – 2913 đến nhà anh Trịnh Quang T6 chơi. Tại đây, Q nảy sinh ý định bán xe này cho T6 nhưng sợ anh T6 không mua nên Q viện lý do mẹ đang đau, cần tiền nộp viện phí để hỏi mượn anh T6 2.000.000 đồng, để anh T6 tin tưởng và đồng ý cho mượn tiền, Q để lại cho anh T6 xe mô tô biển số 76T8 – 2913 và nói đây là xe của mẹ Q, Q sẽ quay lại trả tiền và chuộc xe sau. Sau khi nhận 2.000.000 đồng Q đi bộ rời khỏi nhà T6 và một mình tiêu xài hết số tiền 2.000.000 đồng. Anh T6, sau đó cho Phạm Ngọc Á mượn xe mô tô biển số 76T8 – 2913 để sử dụng. Ngày 11-4-2023, Phạm Ngọc Á điều khiển xe mô tô này tham gia giao thông vi phạm Luật giao thông đường bộ nên bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện B lập Biên bản vi phạm hành chính, tạm giữ phương tiện xe mô tô biển số 76T8 – 2913, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành thu giữ và trả lại xe mô tô biển số 76T8 – 2913 cho chủ sở hữu hợp pháp là Huỳnh Văn H1.

Theo Kết luận định giá số: 18/KL- HĐĐGTS, ngày 09-3-2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B, kết luận: Xe mô tô, hiệu Wave, màu sơn xanh, biển kiểm soát: 76T8 – 2913 trị giá 5.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 28-9-2022, sau khi để xe mô tô biển số 76T8 – 2913 ở nhà Trịnh Quang T6, Q đi bộ rời khỏi nhà T6, đi về nhà mình tại xã B, huyện B, trên đường đi khi rẽ phải từ đường T đi vào xóm T, qua khỏi cổng chào xóm T khoảng hơn 100m thì phát hiện có 01 xe mô tô, hiệu Wave, màu Đ1 – Trắng, mang biển số 76C1 – 040.70 của anh Huỳnh Văn T2 dựng ven đường, Q quan sát xung quanh không thấy có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp, Q tiếp cận lại gần xe này thấy trên xe có sẵn chìa khóa nên đã lén lút lấy trộm và điều khiển xe này đi vào thành phố Q để tìm nơi tiêu thụ, bán xe này lấy tiền tiêu xài, khi đến thành phố Q thì Q vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Q thăm mẹ bị đau, nằm viện tại đây nên gửi xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 vừa trộm cắp được tại nhà giữ xe của Bệnh viện, sau đó Q đón xe buýt về lại nhà tại xóm A thôn C, xã B.

Đến ngày 01-10-2022, Q quay lại nhà giữ xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh Q lấy xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 và điều khiển xe đến ngã 4 H, thuộc xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi để gặp anh Nguyễn Ngọc H2 (có tên thường gọi là Ba Hô). Tại đây Q nói cho H2 biết việc Q đã trộm cắp được xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 và nhờ H2 tiêu thụ thì H2 đồng ý. Sau đó, H2 rủ Q đến nhà người bà con là Đỗ Tấn L chơi. Trong lúc đang ngồi nhậu tại nhà L thì H2 gọi điện thoại cho 02 thanh niên (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), là người quen biết với H2 đến nhậu cùng và bàn bạc, thống nhất với 02 thanh niên này về việc mua xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 cho Q; sau đó, một trong hai thanh niên này nói với Q sẽ mua xe với giá 2.000.000 đồng thì Q đồng ý bán, tuy nhiên, người này không có tiền nên hứa sẽ chuyển tiền qua tài khoản cho H2 để H2 đưa số tiền này cho Q thì Q đồng ý. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, H2 nói Q đi về nhà nghỉ G1 để đợi H2 đi mua ma túy về sử dụng và rủ cả 02 thanh niên bạn của H2 nói trên cùng đi, nhưng sau đó, nhóm của H2 điều khiển xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 đi không quay lại và Q cũng không liên lạc được, nên chưa lấy được số tiền bán xe 2.000.000 đồng nói trên.

Đối với xe mô tô biển số 76C1 – 040.70, sau đó H2 bán lại cho Võ Văn G với giá 2.000.000 đồng nhưng không nói cho Võ Văn G biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Trong một lần sử dụng xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 này đi qua địa bàn xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi thì bị rơi mất biển số kiểm soát xe. Do H2 bán xe nhưng không có giấy đăng ký xe nên G nghi vấn đây là xe trộm cắp mà có. Vì vậy, sau khi mua xe, G đã nhờ bạn bè xác minh, tìm hiểu thì được biết đây là tang vật trong vụ án trộm cắp tài sản do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý nên ngày 14-4-2023 G đã tự nguyện mang xe đến Công an huyện B giao nộp để phục vụ điều tra và cơ quan điều tra đã trả lại xe cho Huỳnh Văn T2.

Theo Kết luận định giá số: 30/KL-HĐĐGTS, ngày 26-11-2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Xe Wave s màu Đen – Trắng, biển kiểm soát: 76C1 – 040.70 trị giá 10.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Trưa ngày 30-9-2022, Q đang ở nhà tại xóm A, thôn C, xã B, huyện B thì tiếp tục nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản nên đi bộ để tìm tài sản trộm cắp, nhưng vẫn chưa tìm thấy nơi nào có tài sản để lấy trộm. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, trên đường đi từ ngã 4 Nghĩa trang L1 xã B về hướng Ủy ban nhân dân xã B, Q phát hiện tại đầu hẻm một ngã 3 đường rẽ về phía Đ, thuộc thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi có một xe mô tô, loại Exciter, màu xanh – trắng, mang biển số: 76C1 – 196.96 của Trần Phú H để tại đây từ khoảng 13 giờ cùng ngày để đi làm cơ khí, Q nhìn quanh không thấy có ai trông coi và thấy xe có sẵn chìa khóa nên đã lén lút lấy trộm và điều khiển xe vào thành phố Q tìm nơi bán xe để lấy tiền.

Khoảng 19 giờ cùng ngày 30-9-2022, khi vào đến khu vực tuyến đường Lê Hữu Trác trước Bệnh viện đa khoa tỉnh Q, thuộc Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi thì ghé vào một quán nhậu trên tuyến đường này, gặp một người phụ nữ tên “Bé Em” tại đây nên hỏi thăm, nhờ tìm nơi cầm cố, thế chấp xe mô tô biển số 76C1 – 196.96 thì được người này giới thiệu gặp một thanh niên tên

“Đen”. Sau đó, người tên “Bé E” thỏa thuận, hội ý gì với người tên “Đen” thì một lúc sau, người phụ nữ tên “Bé Em” đến nói với Q là đồng ý cầm chiếc xe này với giá 4.000.000 đồng, nhưng vì lấy lãi 400.000 đồng nên người phụ nữ này chỉ đưa cho Q 3.600.000 đồng, số tiền này, sau đó Q đã một mình tiêu xài hết.

Ngày 17-10-2022, Cơ quan điều tra đã tổ chức cho Q đi xác định hiện trường nơi đã cầm đồ chiếc xe mô tô biển số 76C1 – 196.96 nhưng Q không nhớ được địa chỉ này, nên Cơ quan điều tra chưa xác minh, làm việc được với người phụ nữ tên “Bé Em” và người thanh niên tên “Đen” đã cầm cố xe mô tô biển số 76C1 – 196.96 cho Q, nên chưa thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô biển số 76C1 – 196.96.

Theo Kết luận định giá số: 29/KL-HĐĐGTS, ngày 26-11-2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh – trắng, biển kiểm soát: 76C1 – 196.96 trị giá 15.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 14 giờ 30 ngày 01-10-2022, trên đường cùng nhóm người của H2 đi từ xã T xuống xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi trong lúc điều khiển xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 đến đoạn Cầu cống đá, thuộc thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi Quyết phát hiện thấy một xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn Đ1 – Vàng, mang biển số: 76D1 – 090.32 của anh Ngô Văn C dựng ở khu vực gần Cầu, trên xe có để chìa khóa, Q nảy sinh ý định trộm cắp xe này nên điều khiển xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 chạy theo xe bạn của H2, nhờ một thanh niên bạn của H2 điều khiển chiếc xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 đi về trước, còn Q đi bộ một mình quay lại khu vực Cầu C đá, quan sát xung quanh không thấy ai nên lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 76D1 – 090.32 điều khiển rời khỏi hiện trường. Đến khoảng 10 giờ, ngày 02-10-2022, Q điều khiển xe mô tô biển số 76D1 – 090.32 đến cửa hàng mua bán, trao đổi xe máy cũ C, địa chỉ 280, B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để bán cho chủ cửa hàng Nguyễn Thị T5, bà T5 có hỏi giấy tờ xe nhưng Q nói không mang theo nên bà T5 không đồng ý mua, nhưng vì Q nói cần tiền để nộp viện phí cho mẹ nên bà T5 nói Q để lại xe để làm tin rồi đưa cho Q mượn số tiền 1.300.000 đồng khi nào trả tiền thì bà T5 sẽ trả lại xe. Cơ quan điều tra đã thu hồi được xe mô tô biển số 76D1 – 090.32 trả cho Ngô Văn C, đổi số tiền 1.300.000 đồng, bà T5 tự nguyện cho Q không yêu cầu Q hoàn trả.

Theo Kết luận định giá số: 10/KL-HĐĐGTS, ngày 05-12-2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn Đen – Vàng, biển kiểm soát 76D1 – 090.32 trị giá 8.400.000 đồng.

Lần thứ năm: Khoảng 17 giờ ngày 01-10-2022, sau khi không thấy Nguyễn Ngọc H2 liên lạc, tìm đến mình để đưa số tiền 2.000.000 đồng tiền mua xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 nên Q một mình điều khiển xe mô tô biển số 76D1 – 090.32 trộm cắp được vụ thứ 5 nói trên tìm đến phòng trọ của H2 tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi thì phát hiện thấy H2 đang nằm ngủ, nhưng không thấy xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 đâu, lúc này Q phát hiện thấy 01 cái điện

thoại di động hiệu Xiaomi, màu xanh da trời tại phòng trọ của H2 nên Q đã lén lút đến tiếp cận, lấy trộm chiếc điện thoại di động này. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô biển số 76D1 – 090.32 mang điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu xanh da trời này đến một tiệm cầm đồ tại thành phố Q bán được 1.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, phối hợp đấu tranh mở rộng đối với Q thì Q đã khai nhận việc thực hiện vụ trộm cắp điện thoại di động Xiaomi như nội dung đã viện dẫn nêu trên. Tuy nhiên, ngày 29-11-2022, Cơ quan điều tra đã tổ chức cho Q đi xác định hiện trường, truy tìm Tiệm cầm đồ mà Q đã bán điện thoại di động X nhưng Q không nhớ được địa chỉ Tiệm cầm đồ này. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện huyện S đã tổ chức xác minh, truy tìm nhưng chưa làm việc được với H2, không xác định được H2 đang ở đâu, làm gì nên không có cơ sở để kết luận, đề nghị xử lý về hành vi của Q đối với vụ trộm cắp tài sản là chiếc điện thoại di động nói trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thống nhất với đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S về việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S sẽ tiếp tục thụ lý, xác minh, xử lý sau đối với vụ trộm cắp tài sản là điện thoại di động Xiaomi xảy ra trên địa bàn huyện S.

Lần thứ sáu: Sáng ngày 05-10-2022, Q đang ở nhà tại xã B, huyện B thì tiếp tục nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản nên đi bộ rời khỏi nhà tìm tài sản để trộm cắp, đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Q đi bộ theo đường liên xóm trước nhà về hướng N, thì phát hiện nhà vợ chồng ông Nguyễn C1 và bà Bùi Thị Đ, cổng ngõ chỉ đóng chữ không khóa, cửa nhà thì đóng khóa và không có ai ở nhà, Q nảy sinh ý định đột nhập nhà này để trộm cắp tài sản. Q mở cổng ngõ đi vào sân nhà, đến hiên nhà bên hông phía Bắc thấy cửa sổ mở và các song sắt cửa đã mục nên dùng tay giật, bẻ mạnh thì các song sắt này bị gãy, cong queo tạo thành lỗ hổng, Q trèo lên, chui qua lỗ hổng này vào bên trong nhà thì thấy cửa buồng ngủ tầng trệt không đóng nên đi vào trong buồng ngủ và phát hiện thấy bên phải (sát vách phía Tây của buồng này) có tủ gỗ loại 02 cánh, các cánh tủ đều khép nhưng không khóa nên Q kéo ra thì mở được, Q lục lọi tìm kiếm tài sản trong ngăn này thì phát hiện thấy có 01 hũ tiết kiệm hình con heo đất nên lấy, mang xuống phòng kho nhà bếp đập bể hũ tiết kiệm này thì thấy bên trong có tiền mặt 600.000 đồng nên Q lấy tiền cất giấu vào trong người. Sau đó, Q tiếp tục quay lại phòng ngủ tiếp tục tìm kiếm tài sản khác để lấy trộm và phát hiện tại phòng khách có tủ búp – phê sát vách phía Đông phòng này, nhưng các cánh cửa tủ đều khóa nên không mở được, Q quay lại phòng ngủ lục tìm thì phát hiện thấy chìa khóa ở gần cửa ra vào buồng ngủ nên lấy đại 01 chìa thì mở được cửa hộc tủ phía Bắc của tủ búp – phê phòng khách, lục tìm trong này, Q phát hiện thấy 01 hũ đựng vàng bên trong có 01 (một) lách bằng vàng 9999, trọng lượng 03 (ba) chỉ; 01 (một) dây chuyền bằng vàng 9999, trọng lượng 03 (ba) chỉ; 02 (hai) nhẫn vàng 9999, mỗi chiếc 01 (một) chỉ nên Q đã lấy trộm hết số vàng này cất giấu vào người rồi trèo qua lỗ cửa sổ bị bẻ gãy song sắt đi ra khỏi nhà mang theo tài sản trộm cắp được là vàng và tiền mặt.

Những ngày sau đó, Q mang số vàng trộm cắp được nêu trên đến thành phố Q bán nhiều lần, tại nhiều nơi khác nhau nhưng không nhớ được địa chỉ những nơi đã bán vàng, số tiền bán được gồm: Sợi dây chuyền 14.800.000 đồng, lách đeo tay 14.990.000 đồng, 02 chiếc nhẫn 9.900.000 đồng. Tổng cộng, đã bán hết số vàng đã trộm cắp nêu trên, được 39.690.000 đồng cùng với số tiền mặt 600.000 đồng Q tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá số 19/KL-HĐĐGTS, ngày 09-3-2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: Tổng trị giá số vàng bị cáo trộm cắp là 42.560.000 đồng.

Lần thứ bảy: Trưa ngày 15-10-2022, Quyết trên đường đi xe buýt, từ thành phố Q về huyện B để đi về nhà tại thôn C, xã B, huyện B. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi xe buýt đến địa phận xã B và trong lúc đi chậm lại để dừng tại Trạm dừng xe buýt thì Q phát hiện thấy có một xe mô tô, hiệu VISION, màu đỏ - đen, mang biển số: 76C1 – 438.78 do anh Phan Tấn N sử dụng, đang dừng ven đường ở trước cửa tiệm T8, thuộc thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nhưng xung quanh không thấy có người, trên xe có sẵn chìa khóa, Q nảy sinh ý định lấy trộm xe này, nên khi xe buýt đi tới trạm dừng thì Q xuống xe đi đến tiếp cận xe mô tô VISION nói trên để trộm cắp. Quyết quan sát xung quanh nhưng không thấy có người nên Q liền lên lút ngòai lên xe, chuẩn bị đề, khởi động nhằm trộm cắp xe tẩu thoát, nhưng cùng lúc này, anh Phan Tấn N phát hiện thấy Q ngòai lên xe của mình có biểu hiện nghi vấn trộm cắp nên chạy nhanh ra, đập mạnh vào xe mô tô làm cả xe và Q bị ngã xuống đường, sau đó, Phan Tấn N cùng quần chúng nhân dân đuổi theo và bắt giữ Q.

Theo Kết luận định giá số: 22/KL-HĐĐGTS, ngày 19-10-2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: Xe mô tô, nhãn hiệu Hon Da, loại xe VISION, màu đỏ - đen, mang biển số 76C1 – 438.78 trị giá 14.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 66/CT – VKS ngày 15-6-2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Hà Quang Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Quang Q từ 05 đến 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường toàn bộ giá trị tài sản đã chiếm đoạt cho ông Trần Phú H, ông Nguyễn C1 và bà Bùi Thị Đ.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại Trần Phú H, Bùi Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Nguyễn Ngọc T3 có mặt, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khác và những người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hà Quang Q là một người không có nghề nghiệp, chuyên sống bằng nguồn thu nhập từ việc phạm tội, nên trong khoảng thời gian từ ngày 27-9-2022 đến ngày 15-10-2022 bị cáo Q đã liên tiếp thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản (01 lần chưa xác định được bị hại và chưa thu hồi được tài sản nên Công an huyện S đang tiếp tục điều tra) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 95.560.000 đồng và bị cáo Q lấy số tiền này để sinh sống, tiêu xài cá nhân; mỗi lần bị cáo trộm cắp, tài sản chiếm đoạt đều có giá trị trên 2.000.000 đồng. Đồng thời, ngày 28-5-2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, nên các hành vi phạm tội của bị cáo lần này là tái phạm nguy hiểm. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân mà còn làm ảnh hưởng, gây xấu đi tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang, lo lắng. Bị cáo đã hai lần bị Tòa án xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không chịu cải tạo, sửa chữa sai lầm mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này, bị cáo đã 6 lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần tài sản chiếm đoạt đều có giá trị trên 2.000.000 đồng, nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Đối với tài sản bị cáo trộm cắp, cơ quan điều tra thu hồi được và đã trả cho các chủ sở hữu gồm: Xe mô tô hiệu VISION, màu đỏ - đen, mang biển số: 76C1 – 438.78 trả cho ông Phạm Tấn N2 và bà Đỗ Thị Yến T1; xe mô tô, loại xe Wave, đã cũ, gắn biển số 76T8 – 2913 trả cho ông Huỳnh Văn H1; xe mô tô, hiệu Wave, màu Đ1 – Trắng, mang biển số 76C1 – 040.70 trả cho ông Huỳnh Văn T2 và bà Bùi Thị H3; xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn Đ1 – Vàng, mang biển số: 76D1 – 090.32 đứng tên trên giấy đăng ký xe là ông Nguyễn Thanh T4, quá trình điều tra ông T4 xác nhận đã bán xe này cho anh C nên cơ quan điều tra đã trả lại xe này cho ông Ngô Văn C. Bị hại đã nhận lại tài sản; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến những chiếc xe trên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6.2] Tài sản bị cáo trộm cắp không thu hồi được, gồm:

[6.2.1] Đối với xe mô tô hiệu Exciter màu xanh trắng, biển kiểm soát 76C1-196.96 đứng tên trên giấy đăng ký xe là anh Trần Nguyễn Ngọc T3 và tại phiên tòa anh T3 xác nhận đã bán xe này cho anh Trần Phú H nhưng chưa làm thủ tục sang tên, sau khi trộm cắp xe này của anh H, thông qua người phụ nữ tên “Bé Em” bị cáo cầm cố xe này cho một người tên “Đen” tại một quán nhậu gần Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi lấy số tiền 3.600.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã thực nghiệm điều tra, đưa bị cáo đi xác định nơi cầm cố tuy nhiên bị cáo không nhớ quán nhậu nơi bị cáo cầm cố xe, bị cáo cũng không biết nhân thân, lai lịch người tên “Bé Em”, “Đen” nên không thu hồi được tài sản, theo kết luận định giá xe mô tô biển số 76C1-196.96 trị giá 15.000.000 đồng, bị hại anh Trần Phú H yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh H giá trị chiếc xe 15.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của anh H, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H giá trị chiếc xe mô tô biển số 76C1-196.96 là 15.000.000 đồng.

[6.2.2] Đối với 01 sợi dây chuyền vàng, 01 lách đeo tay vàng, 02 chiếc nhẫn vàng của ông Nguyễn C1 và bà Bùi Thị Đ, sau khi trộm cắp bị cáo mang đi bán cho nhiều tiệm vàng trên địa bàn thành phố Q. Cơ quan điều tra đã thực nghiệm điều tra, đưa bị cáo đi xác định nơi bị cáo bán vàng, tuy nhiên bị cáo không nhớ địa điểm nơi bán và số tiền bị cáo bán vàng và số tiền mặt 600.000 đồng lấy trộm của ông C1, bà Đ bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết, nên cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản, theo kết luận định giá số vàng bị cáo lấy trộm có tổng trị giá 42.560.000 đồng, như vậy tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông C1 và bà Đ là 43.160.000 đồng. Bị hại ông C1 và bà Đ yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông, bà giá trị vàng và tiền mặt là 43.160.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của ông C1 và bà Đ, buộc bị cáo phải bồi thường cho ông C1 và bà Đ giá trị vàng và tiền mặt tổng cộng là 43.160.000 đồng.

[6.3] Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo mượn của anh Trịnh Quang T6, bị cáo đã tiêu xài hết, quá trình điều tra anh T6 xác định, đây là quan hệ vay mượn tiền của anh T6 với bị cáo, anh T6 sẽ tự giải quyết với bị cáo và không có yêu cầu gì trong vụ án này; đối với số tiền 1.300.000 đồng bị cáo mượn của bà Nguyễn Thị T5, bị cáo đã tiêu xài hết, quá trình điều tra bà T5 xác định, bà tự nguyện cho bị cáo số tiền bị cáo đã mượn, bà T5 không yêu cầu bị cáo trả lại và không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6.4] Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo bán điện thoại Xiaomi trộm ở địa bàn huyện S, vụ án này Cơ quan điều tra Công an huyện S đang tiếp tục xác minh, điều tra và xử lý sau.

[7] Các đối tượng có liên quan:

[7.1] Đối với Trịnh Quang T6, khi Q mượn tiền và để lại xe 76T8 – 2913 thì T6 không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý đối với T6.

[7.2] Đối với Nguyễn Ngọc H2, Cơ quan điều tra đã xác minh, truy tìm để mời làm việc nhưng H2 không có mặt tại địa phương, không xác định được đang ở đâu, làm gì và 02 thanh niên cùng Nguyễn Ngọc H2 thỏa thuận mua bán xe mô tô biển số 76C1 – 040.70, Cơ quan điều tra chưa xác định được họ tên, địa chỉ. Do đó, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều, xử lý sau đối với Nguyễn Ngọc H2 và 02 thanh niên đi cùng H2 về hành vi tiêu thụ tài sản là xe mô tô biển số 76C1 – 040.70 do trộm cắp mà có.

[7.3] Đối với người phụ nữ tên “Bé Em” và người thanh niên “Đen” đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số 76C1 – 196.96 và số tiền 3.600.000 đồng người tên “Bé E” đưa cho Q, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục xác minh, điều tra và xử lý sau.

[7.4] Đối với bà Nguyễn Thị T5 (là chủ cửa hàng mua bán, trao đổi xe máy cũ Cường T7), khi Hà Quang Q mang xe mô tô biển số 76D1 – 090.32 đến bán thì bà Nguyễn Thị T5 có hỏi giấy tờ xe nhưng Q nói không mang theo nên bà Nguyễn Thị T5 không đồng ý mua. Nhưng vì Hà Quang Q nói cần tiền để nộp viện phí cho mẹ nên bà Nguyễn Thị T5 nói Hà Quang Q để lại xe để làm tin rồi mới đưa cho Hà Quang Q số tiền 1.300.000đ, khi nào trả tiền thì bà Nguyễn Thị T5 sẽ trả lại xe. Bà Nguyễn Thị T5 không biết được chiếc xe này là do Q trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà T5 về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác vi phạm pháp luật mà có”.

[7.5] Đối với Võ Văn G, theo như lời khai của Võ Văn G khi mua xe mô tô biển số 76C1-04070 thì G khai không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có và hiện chưa làm việc được với Nguyễn Ngọc H2 nên không có căn cứ để xử lý Võ Văn G về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” cũng như số tiền 2.000.000 đồng G khai đã đưa cho H2 nên khi nào làm việc được với H2 sẽ mở rộng điều tra xử lý sau. Võ Văn G không có yêu cầu về số tiền 2.000.000 đồng đã giao cho Nguyễn Ngọc H2 khi mua xe nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Xét ý kiến đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Hà Quang Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Hà Quang Q 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15-10-2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Hà Quang Q có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Phú H giá trị chiếc xe mô tô hiệu Exciter màu xanh trắng, biển kiểm soát 76C1-196.96 là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

Buộc bị cáo Hà Quang Q có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn C1 và bà Bùi Thị Đ giá trị các tài sản gồm: 01 sợi dây chuyền vàng, 01 lách đeo tay vàng, 02 chiếc nhẫn vàng với tổng trị giá 42.560.000 đồng và 600.000 đồng tiền mặt, tổng cộng là 43.160.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về án phí: Bị cáo Hà Quang Q phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.908.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- CA huyện Bình Sơn (ĐT+ LT);
- Nhà tạm giữ CA huyện Sơn Tịnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh

